

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI  
TÂY NINH**

Số: 09/2022/TTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

**Mã chứng khoán: TTT**

**Địa chỉ trụ sở chính:** 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Điện thoại:** 0276.3822376

**Website:** <http://tanitour.com.vn>

**Email:** [tanitour.tayninh@gmail.com](mailto:tanitour.tayninh@gmail.com)

**Người được ủy quyền CBTT: ông Phan Thanh Trung**

**Chức danh: Phó phòng HCNS**

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     Bất thường     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố:**

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2021 (đã được kiểm toán)
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 (đã được kiểm toán)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/03/2022 tại đường dẫn <http://tanitour.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 21/03/2022

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



**Phan Thanh Trung**

## Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09-25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thù	Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/06/2021)
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/06/2021)
Ông Phạm Hùng Cường	Thành viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Hiền	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

**Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh**  
Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước,  
phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 21 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Thị Ngọc Dung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1

**Đình Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3681-2017-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>377.883.155.078</b>	<b>370.331.186.367</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>61.678.264.111</b>	<b>34.039.299.691</b>
111	1. Tiền		1.748.264.111	6.239.299.691
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.930.000.000	27.800.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>9.305.000.000</b>	<b>9.240.530.411</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	9.305.000.000	9.240.530.411
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>305.066.994.621</b>	<b>323.438.784.531</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.031.952.738	2.388.798.335
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		465.350.410	347.463.636
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	293.300.000.000	306.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.269.691.473	14.799.072.360
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	-	(196.549.800)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.490.135.682</b>	<b>3.035.767.181</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	1.490.135.682	3.035.767.181
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>342.760.664</b>	<b>576.804.553</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		47.643.176	146.931.434
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		295.117.488	429.873.119
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>27.717.656.141</b>	<b>65.984.300.497</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>25.050.333.199</b>	<b>62.143.059.239</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	25.022.555.420	62.032.147.951
222	- Nguyên giá		314.286.104.891	318.199.181.731
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(289.263.549.471)	(256.167.033.780)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	27.777.779	110.911.288
228	- Nguyên giá		125.000.000	279.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.222.221)	(168.088.712)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>2.155.628.738</b>	<b>2.439.887.473</b>
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.090.892.255)	(1.806.633.520)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>511.694.204</b>	<b>1.401.353.785</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		511.694.204	1.401.353.785
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>405.600.811.219</b>	<b>436.315.486.864</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>24.002.184.510</b>	<b>45.461.194.775</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>23.902.184.510</b>	<b>45.361.194.775</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.257.369.825	37.993.216.224
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	630.139.790	1.149.125.504
314	3. Phải trả người lao động		2.765.185.618	2.896.800.763
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		221.046.715	376.783.975
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		279.912.076	342.166.666
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.406.981.593	2.207.292.949
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		341.548.893	395.808.694
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	100.000.000	100.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>381.598.626.709</b>	<b>390.854.292.089</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>380.940.509.370</b>	<b>387.007.946.415</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		48.915.600.000	48.915.600.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.761.702.190	50.761.702.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.494.184.046	94.234.729.460
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		85.094.309.460	91.955.808.007
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		5.399.874.586	2.278.921.453
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		145.066.923.134	147.393.814.765
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>658.117.339</b>	<b>3.846.345.674</b>
431	1. Nguồn kinh phí	16	346.613.224	1.750.284.156
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		311.504.115	2.096.061.518
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>405.600.811.219</b>	<b>436.315.486.864</b>



**Lê Văn Công**  
Người lập



**Trần Thị Phương**  
Kế toán trưởng





**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	65.594.076.530	82.091.557.572
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	761.953.135	61.083.272
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.832.123.395	82.030.474.300
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	75.143.924.785	81.845.809.331
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(10.311.801.390)	184.664.969
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27.964.676.846	29.091.413.899
22	7. Chi phí tài chính		-	934.333.385
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	807.645.040
25	8. Chi phí bán hàng	22	2.297.653.933	10.973.671.473
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.152.603.985	15.457.595.825
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.202.617.538	1.910.478.185
31	11. Thu nhập khác	24	1.822.166.945	1.378.522.832
32	12. Chi phí khác	25	735.901.977	295.912.812
40	13. Lợi nhuận khác		1.086.264.968	1.082.610.020
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.288.882.506	2.993.088.205
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	1.082.939.551	509.509.850
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.205.942.955	2.483.578.355
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.399.874.586	2.278.921.453
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		806.068.369	204.656.902
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.182	499

Lê Văn Công  
Người lập

Trần Thị Phương  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc



Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế		7.288.882.506	2.993.088.205
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
02	Khấu hao tài sản cố định		36.312.140.594	36.874.249.678
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(196.549.800)	-
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(27.938.649.869)	(28.886.713.470)
06	Chi phí lãi vay		-	807.645.040
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.465.823.431	11.788.269.453
09	Giảm các khoản phải thu		1.609.264.254	1.688.883.784
10	Giảm hàng tồn kho		1.545.631.499	2.108.425.503
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(21.728.928.615)	3.532.618.388
12	Giảm chi phí trả trước		988.947.839	3.287.625.782
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(807.645.040)
15	Thuế TNDN đã nộp		(797.901.400)	(3.299.101.700)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.461.955.800	7.955.724.800
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.865.626.732)	(6.372.237.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(4.320.833.924)	19.882.563.895
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(800.000.000)	(3.722.816.127)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	1.391.624.229
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(301.940.000.000)	(215.764.530.411)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		314.675.530.411	193.374.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay		32.258.507.933	20.328.360.767
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		44.194.038.344	(4.393.361.542)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		-	(610.741.033)
36	2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(12.234.240.000)	(23.065.620.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(12.234.240.000)	(23.676.361.033)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		27.638.964.420	(8.187.158.680)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.039.299.691	42.226.458.371
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		61.678.264.111	34.039.299.691

Lê Văn Công  
Người lập

Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2021

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 120 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 113 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm 2021, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như kinh doanh nước giải khát, dịch vụ vận chuyển xe điện, dịch vụ giữ xe và dọn vệ sinh cảnh quan khu vực Núi Bà. Do tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Khu du lịch Núi Bà dừng hoạt động từ ngày 29/05/2021 theo Công văn số 1659/UBND-KGVX ngày 29/05/2021 của UBND Tỉnh Tây Ninh và kéo dài sang năm 2022. Điều đó dẫn đến Doanh thu và Lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất giảm mạnh so với năm trước. Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã thực hiện cắt giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm. Do đó tuy tình hình kinh doanh không tăng trưởng nhưng thực tế Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay vẫn tăng mạnh so với năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

**2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu

chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▶ TSCĐ Khác	04 – 08 năm
▶ Phần mềm bán vé	03 năm

## 2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

## 2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 36 tháng.

## 2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và thường ban điều hành.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.16 Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm trừ doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.18 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### *Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### *Ưu đãi thuế TNDN*

Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm.

### **2.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.22 Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## **3. Tiền và tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	242.893.563	2.811.785.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.505.370.548	3.427.513.833
Tương đương tiền (*)	59.930.000.000	27.800.000.000
	<u><b>61.678.264.111</b></u>	<u><b>34.039.299.691</b></u>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3%/năm đến 3,6%/năm.



**4. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn**

Tại ngày 31/12/2021, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,35%/năm đến 4,8%/năm.

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	498.488.287	-
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh - CN Sun World Tây Ninh	510.729.451	1.011.530.666
Khác	22.735.000	1.377.267.669
	<b>1.031.952.738</b>	<b>2.388.798.335</b>

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Cho vay tổ chức (i)	293.300.000.000	306.100.000.000
	<b>293.300.000.000</b>	<b>306.100.000.000</b>

(i) Khoản cho vay các tổ chức với mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn từ 03 – 06 tháng, lãi suất từ 6,5% - 9,5%.

**7. Phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu	10.262.691.473	-	14.556.522.560	-
Khác	7.000.000	-	242.549.800	(196.549.800)
	<b>10.269.691.473</b>	<b>-</b>	<b>14.799.072.360</b>	<b>(196.549.800)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	871.035.856	-	2.667.291.774	-
Hàng hóa	619.099.826	-	361.989.474	-
Nguyên liệu vật liệu	-	-	6.485.933	-
	<b>1.490.135.682</b>	<b>-</b>	<b>3.035.767.181</b>	<b>-</b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tại ngày 31/12/2021, tài sản cố định vô hình là phần mềm bán vé có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 125.000.000 VND và 97.222.221 VND.

10. Tài sản cố định hữu hình

	TSCĐ hữu hình					Tổng VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 31/12/2020	75.323.398.387	209.353.815.214	11.913.383.747	15.381.226.896	6.227.357.487	318.199.181.731
Tăng mới trong năm	800.000.000	120.231.998	75.000.000	-	-	995.231.998
Bàn giao cho BQL Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen (*)	(814.344.103)	(27.587.340)	-	(28.694.750)	(4.037.682.645)	(4.908.308.838)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>75.309.054.284</b>	<b>209.446.459.872</b>	<b>11.988.383.747</b>	<b>15.352.532.146</b>	<b>2.189.674.842</b>	<b>314.286.104.891</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 31/12/2020	54.529.356.163	180.850.756.180	8.215.599.567	8.372.555.176	4.198.766.694	256.167.033.780
Khấu hao trong năm	6.152.958.470	25.068.313.903	1.620.316.747	2.871.183.991	258.002.216	35.970.775.327
Hao mòn tài sản ngân sách	54.259.801	10.560.384	18.753.302	7.115.527	4.106.942	94.795.956
Bàn giao cho BQL Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen (*)	(399.567.180)	(17.242.080)	-	(28.694.740)	(2.523.551.592)	(2.969.055.592)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>60.337.007.254</b>	<b>205.912.388.387</b>	<b>9.854.669.616</b>	<b>11.222.159.954</b>	<b>1.937.324.260</b>	<b>289.263.549.471</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 31/12/2020	20.794.042.224	28.503.059.034	3.697.784.180	7.008.671.720	2.028.590.793	62.032.147.951
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>14.972.047.030</b>	<b>3.534.071.485</b>	<b>2.133.714.131</b>	<b>4.130.372.192</b>	<b>252.350.582</b>	<b>25.022.555.420</b>

- ▶ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 186.150.769.211 VND.
- ▶ Trong số TSCĐ của Công ty có bao gồm các tài sản mua mới từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 396.731.998 VND và 85.227.883 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31/12/2021 là 311.504.115 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(\*) Ngày 28/10/2015, Ban Quản lý Khu di lịch Quốc gia Núi Bà Đen đã bàn giao các tài sản cố định như đường nội khu, phòng vé và một số tài sản khác theo Biên bản số 16/BB-BQL cho Công ty quản lý và sử dụng để phục vụ hoạt động thu phí thăm quan. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản ngày 18/01/2021, các tài sản cố định này đã được bàn giao và trả lại cho Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Núi Bà Đen. Giá trị còn lại của các tài sản này được ghi giảm tương ứng vào mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**11. Bất động sản đầu tư**

Tại thời điểm 31/12/2021, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	16.869.547.786	16.869.547.786	16.869.547.786	16.869.547.786
Khác	1.387.822.039	1.387.822.039	21.123.668.438	21.123.668.438
	<b>18.257.369.825</b>	<b>18.257.369.825</b>	<b>37.993.216.224</b>	<b>37.993.216.224</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Năm 2021		31/12/2021
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Phí tham quan (i)	782.476.800	17.289.126.400	18.071.603.200	-
Thuế giá trị gia tăng	-	4.139.703.332	4.139.703.332	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.509.850	1.082.939.551	797.901.400	544.548.001
Thuế thu nhập cá nhân	12.600.550	497.705.889	431.124.932	79.181.507
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng	38.244.015	352.053.585	390.014.645	282.955
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.373.012.332	1.373.012.332	-
Các loại thuế, phí khác	56.294.289	155.184.753	205.351.715	6.127.327
	<b>1.149.125.504</b>	<b>24.889.725.842</b>	<b>25.408.711.556</b>	<b>630.139.790</b>

(i) Theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định tạm thời tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen:

- ▶ 20% trên tổng số phí thu được từ phí tham quan này dùng để chi cho dự toán kinh phí hoạt động của bộ phận phòng vé, kiểm soát vé và bộ phận khác có liên quan đến việc thu phí; nếu trong năm tài chính không sử dụng hết thì sẽ được chuyển sang năm sau sử dụng và được ghi nhận vào Mã số 431 – Nguồn kinh phí trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 15).
- ▶ 80% trên tổng số phí thu được còn lại phải nộp lại ngân sách để chi cho việc tổ chức Hội xuân núi Bà và chi cho việc nâng cấp, sửa chữa các hạng mục công trình tại Khu di tích lịch sử văn hóa – danh thắng và Du lịch núi Bà Đen.

Theo đó, Công ty ghi nhận 80% số phí thu được phải nộp ngân sách nhà nước vào khoản mục Thuế và các khoản phải nộp nhà nước này.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 14. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền bán vé cáp treo	139.250.000	1.096.060.000
Tiền bảo hành công trình	934.872.779	886.328.269
Cổ tức phải trả	215.093.000	175.953.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	117.765.814	48.951.680
	<b>1.406.981.593</b>	<b>2.207.292.949</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư ngày 01/01/2020</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>81.341.883.682</b>	<b>105.461.492.012</b>	<b>170.035.575.117</b>	<b>451.456.650.811</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.278.921.453	204.656.902	2.483.578.355
Chia cổ tức 2019	-	-	-	(13.710.630.000)	(9.398.880.000)	(23.109.510.000)
Giải thể công ty con	-	-	(204.945.995)	204.945.995	(495.473.172)	(495.473.172)
Giảm khác	-	-	(30.375.235.497)	-	(12.952.064.082)	(43.327.299.579)
<b>Số dư ngày 31/12/2020</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>94.234.729.460</b>	<b>147.393.814.765</b>	<b>387.007.946.415</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	5.399.874.586	806.068.369	6.205.942.955
Chia cổ tức năm 2020 (i)	-	-	-	(9.140.420.000)	(3.132.960.000)	(12.273.380.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>90.494.184.046</b>	<b>145.066.923.134</b>	<b>380.940.509.370</b>

(i) Việc chia cổ tức năm 2021 được thực hiện như sau:

- ▶ Công ty mẹ thực hiện chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ tương ứng 9.140.420.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 31/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TTT ngày 22/06/2021;
- ▶ Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (Công ty con) thực hiện chia cổ tức năm 2020 cho các cổ đông không kiểm soát với tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ tương ứng 3.132.960.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TCT ngày 02/11/2021.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	vốn góp %	VND	vốn góp %
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50%	11.197.010.000	24,50%
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50%	12.568.090.000	27,50%
	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>45.702.100.000</u>	<u>45.702.100.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>45.702.100.000</u>	<u>45.702.100.000</u>
<i>Cổ tức tại Công ty mẹ và Công ty con chia cho cổ đông không kiểm soát</i>		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	175.953.000	132.063.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>		
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.273.380.000	23.109.510.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>		
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<u>12.234.240.000</u>	<u>23.065.620.000</u>
- <i>Số dư cuối năm</i>	<u>215.093.000</u>	<u>175.953.000</u>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

Tại ngày 31/12/2021, các quỹ của Công ty là Quỹ đầu tư phát triển thuộc vốn chủ sở hữu với số dư là 50.761.702.190 VND.

## 16. Nguồn kinh phí

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>1.750.284.156</b>	<b>3.382.467</b>
Phí tham quan thu trong năm	21.611.408.000	33.624.728.000
Thu tiền điện, vệ sinh trong năm	1.139.674.200	1.230.779.200
Phí tham quan phải nộp ngân sách trong năm	(17.289.126.400)	(26.899.782.400)
Chi sự nghiệp trong năm	(6.865.626.732)	(6.208.823.111)
<b>Nguồn kinh phí cuối năm</b>	<b>346.613.224</b>	<b>1.750.284.156</b>

## 17. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán và Cam kết thuê hoạt động

### a. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Tại Công ty mẹ:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTD tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006.

Tại Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh (công ty con):

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/5/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, tại Công ty mẹ còn có Hợp đồng thuê tài sản số 20A/2021/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2021 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	36.021.645.448	44.607.663.641
Hoạt động bán hàng hóa	8.218.585.985	11.878.710.674
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	4.059.887.272	5.474.191.811
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	11.729.578.726	11.418.929.069
Khác	5.564.379.099	8.712.062.377
	<b>65.594.076.530</b>	<b>82.091.557.572</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	589.225.862	61.083.272
Giảm giá hàng bán	172.727.273	-
	<b>761.953.135</b>	<b>61.083.272</b>

**20. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	47.468.605.349	49.937.896.266
Hoạt động bán hàng hóa	6.496.896.498	10.067.933.285
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.669.746.744	5.140.787.198
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	13.621.103.422	15.035.466.574
Khác	1.887.572.772	1.663.726.008
	<b>75.143.924.785</b>	<b>81.845.809.331</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.964.676.846	29.091.413.899
	<b>27.964.676.846</b>	<b>29.091.413.899</b>



**22. Chi phí bán hàng**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	875.044.127	861.059.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.931.995	751.927.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.790.435	8.693.893.314
Chi phí bằng tiền khác	41.887.376	666.791.157
	<b>2.297.653.933</b>	<b>10.973.671.473</b>

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.355.583.756	6.584.795.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	774.867.575	1.533.176.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.671.470	5.731.688.609
Chi phí bằng tiền khác	558.481.184	1.607.935.174
	<b>9.152.603.985</b>	<b>15.457.595.825</b>

**24. Thu nhập khác**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu bia, nước giải khát và trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	1.348.880.000	1.122.889.000
Khác	473.286.945	255.633.832
	<b>1.822.166.945</b>	<b>1.378.522.832</b>

**25. Chi phí khác**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí trưng bày sản phẩm	309.875.000	-
Chi phí khác	426.026.977	295.912.812
	<b>735.901.977</b>	<b>295.912.812</b>

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	773.720.249	400.101.400
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	309.219.302	109.408.450
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.082.939.551</b>	<b>509.509.850</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	259.509.850	3.049.101.700
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(797.901.400)	(3.299.101.700)
<b>Thuế TDND phải nộp cuối năm</b>	<b>544.548.001</b>	<b>259.509.850</b>

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.399.874.586	2.278.921.453
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.399.874.586	2.278.921.453
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.570.210	4.570.210
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.182</b>	<b>499</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	6.490.504.866	1.753.471.666
Chi phí nhân công	22.364.192.165	24.021.083.283
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.312.140.594	36.874.249.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.726.030.984	29.640.315.722
Chi phí khác bằng tiền	2.204.417.596	5.852.438.884
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>80.097.286.205</b>	<b>98.141.559.233</b>

**29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	836.544.000	836.544.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	427.200.000	427.200.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	460.924.256	374.094.760
	<u>1.724.668.256</u>	<u>1.637.838.760</u>

### 31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

### 32. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2022.

  


**Lê Văn Công**  
Người lập

**Trần Thị Phượng**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2022